TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC TRỌNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ - ST
Ngày : 16/7/2019
V/v: "*Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông **Nguyễn Đăng Vương**

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà **Huỳnh Ngọc Anh**

- Bà **Hoàng Thị Đào**

- ***Thư ký phiên tòa***: ông **Trần Anh Vinh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Trọng

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa*** có ông **Phạm Văn Bảng** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Trọng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc kiện "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà **Mông Thị Quỳnh T**, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Số D thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

*** Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn D,** sinh năm 1979

Nơi cư trú: Số Q thôn R, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà T có mặt, ông D vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Mông Thị Quỳnh T** thì bà và ông Nguyễn Văn D qua thời gian quen biết khoảng 5 năm thì đi đến kết hôn với nhau và tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Hai bên đã đăng ký kết hôn vào ngày 27/4/2011 tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng tháng 3 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên không thật sự hiểu nhau.

Khi mâu thuẫn xảy ra, ông D thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm bà dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Từ tháng 03 năm 2018 khi vợ chồng mâu thuẫn thì bà đã đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ tại xã T sống để hai bên có thời gian suy nghĩ. Sau đó đến 07 năm 2018 bà quay về sống với chồng để hàn gắn hạnh phúc gia đình, tuy nhiên thời gian đó hai bên vẫn thường xuyên cãi vã nhau, các chuyện trong gia đình hai bên không thống nhất được, mỗi người một ý nên mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng. Tháng 11 năm 2018 trong lúc vãi vã nhau thì ông D có đánh bà, sau đó bà đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay và giữa hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa, việc ai

người đó làm, thỉnh thoảng vợ chồng có liên hệ để thăm hỏi con mà thôi. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Giữa bà và ông D có 01 con chung tên Nguyễn Vân P, sinh ngày 15/10/2012 hiện nay con chung đang sống với bà và ông bà ngoại tại xã T. Khi ly hôn thì bà yêu cầu được nhận nuôi dưỡng trực tiếp người con chung trên đến khi thành niên và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/01 tháng cho đến khi thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Còn theo lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Văn D thì: Đúng là giữa ông và bà Mông Thị Quỳnh T có thời gian tìm, đăng ký kết hôn vào ngày 27/4/2011 tại UBND xã P như bà T trình bày ở trên. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2018 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chưa thật sự hiểu nhau nên đôi lúc có cãi nhau. Vào tháng 03 năm 2018 khi vợ chồng mâu thuẫn cải nhau thì bà T đã đưa con chung về nhà ông bà ngoại ở xã T sống. Tháng 7 năm 2018 bà T quay về để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc gia đình, đến tháng 11 năm 2018 khi hai vợ chồng mâu thuẫn thì ông có tát bà T một cái, sau đó bà T đưa con về nhà bố mẹ đẻ T ở xã T sống từ đó đến nay. Ông và bà T vẫn liên lạc để hỏi thăm về con cái, nay ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn với bà T, mâu thuẫn giữa hai bên không trầm trọng nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Giữa ông và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Vân P, sinh ngày 15/10/2012 hiện nay con chung đang sống với bà T, trường hợp ly hôn thì ông cũng đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/01 tháng cho đến khi thành niên. Hiện nay ông buôn bán có thu nhập bình quân 10.000.000đồng/01 tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay ông D vắng mặt, bà T có mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu của mình về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật; cũng như sự chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự tham gia tố tụng và có quan điểm đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mông Thị Quỳnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa bà Mông Thị Quỳnh T và ông Nguyễn Văn D có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào ngày 27/4/2011, hôn nhân giữa bà T và ông D là hoàn toàn tự nguyện,

được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn và nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông D. Do vậy căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án "Xin ly hôn" giữa nguyên đơn là bà Mông Thị Quỳnh T và bị đơn là ông Nguyễn Văn D, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn D vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông D là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do không cùng quan điểm sống, sống không hiểu và thông cảm chia sẽ lẫn nhau. Có lần hai bên cải nhau ông D còn có hành vi bạo lực gia đình với bà T dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 11 năm 2018 hai vợ chồng không cùng chung sống với nhau, bà T cùng con chung về nhà mẹ đẻ tại xã T sinh sống. Qua kết quả xác minh tại địa phương và thẩm tra tại phiên tòa hôm nay xác định hiện nay mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình, không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy mâu thuẫn giữa bà T và ông D là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn nên việc bà T yêu cầu xin ly hôn với ông D là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật, cần chấp nhận.

[4] Quá trình chung sống giữa bà T và ông D có 01 con chung tên Nguyễn Vân P, sinh ngày 15/10/2012 và hiện cháu P đang ở với bà Mông Thị Quỳnh T. Quá trình làm việc tại tòa án hai bên đều thống nhất giao con chung cho bà T nuôi dưỡng và ông D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Xét thấy sự thỏa thuận giữa hai bên về con chung như trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự thỏa thuận này của các đương sự.

[5] Về tài sản và nợ chung giữa ông Dvà bà T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời các bên đều không yêu cầu cấp dưỡng theo Điều 115 Luật hôn nhân gia đình nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 203, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1/ Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Mông Thị Quỳnh T, cho bà Mông Thị Quỳnh T và ông Nguyễn Văn D được ly hôn với nhau.

2/ Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Mông Thị Quỳnh T và ông Nguyễn Văn D theo đó hai bên thống nhất giao cháu Nguyễn Vân P, sinh ngày 15/10/2012 cho bà Mông Thị Quỳnh T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con

chung mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên, thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu, thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Bà Mông Thị Quỳnh T phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0006522 ngày 28/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng. Ông Nguyễn Văn D phải chịu 150.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo; riêng ông Nguyễn Văn D vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục THADS huyện
- UBND xã P
- Các đương sự
- Lưu HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đăng Vương